

*Số: 83/2018/QĐST-HNGĐ
(V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con)*

Hoa Lư, ngày 12 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2018/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1991; ĐKKHKT: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Xóm 7, thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Vũ Công T, sinh năm 1990; Trú tại: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào điều 357 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị T và anh Vũ Công T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Công T thỏa thuận giao cháu Vũ Thị Bảo L, sinh ngày 18/12/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị T mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng), kể từ tháng 11/2018. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: chị Lê Thị T và anh Vũ Công T thỏa thuận chị T nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/00858 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện H (2);
- CCTHADS huyện H (1);
- Các đương sự;
- UBND xã N
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Thẩm phán

(Đã ký)

Lý Thị Huệ